

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

QUYỂN 51

Phẩm thứ ba mươi tám: LY THẾ GIAN

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 53 trong kinh).

A- TRÌNH BÀY VỀ Ý ĐƯA RA: Ý đưa ra có ba:

Một- Đưa ra Phần: Trước đây trình bày về phần tu Nhân phù hợp với Quả phát sinh hiểu biết (Giải), là đối với pháp khởi lên hiểu biết. Nay trình bày về phần nương vào pháp tiến tới tu tập thành tựu thực hành (Hạnh), là dựa vào hiểu biết phát khởi thực hành, nghĩa vốn theo thứ tự.

Hai- Đưa ra Hội: Hội trước là cuối cùng của nhân tròn vẹn-quả đầy đủ phát sinh hiểu biết, Hội này chính thức thực hành ở thế gian mà không nhiễm, nối thông từ đầu đến cuối, cho nên tiếp theo đưa ra.

Ba- Đưa ra Phẩm: Phẩm trước là quả xuất hiện thù thắng, Phẩm này trình bày dựa vào đó phát khởi thực hành viên dung, cho nên tiếp theo đưa ra.

Tuy một Phần-một Hội-một Phẩm là giống nhau, mà pháp so sánh đã khác nhau, cho nên ý đưa ra cũng riêng biệt.

B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI: cũng có ba phần riêng biệt:

Một- Tên gọi của Phần: Không còn tên gọi của phần vị ấy, chỉ làm sáng tỏ về pháp thực hành, muốn hiển bày phần vị của hành vô ngại, viên dung trước-sau, cho nên dùng làm tên gọi.

Hai- Tên gọi của Hội: Dựa theo pháp thì không khác với tên gọi của Phần. Dựa theo nơi chốn thì gọi là Hội ở Điện Phổ Quang Minh thuộc về Trùng Hội thứ ba. Bởi vì Trùng Hội thứ bảy là Hội cuối cùng quay về Hội bắt đầu, tuy vượt qua bốn cõi trời, mà cùng là Hội của phát sinh hiểu biết. Nay lại Trùng Hội nối thông từ đầu đến cuối đối với phần ấy, dựa vào hiểu biết thành tựu thực hành cho nên Hội ở Phổ Quang,

mà phần trước là phát sinh hiểu biết sai biệt, cho nên dựa vào nơi chốn trải qua để hiển bày về cạn-sâu. Phần này vốn là phát khởi thực hành viên dung, một Hội cùng thu nhận nhân quả, cũng biểu thị cho thành tựu thực hành, mà không lìa xa Trí của Phổ Quang Minh. Trong này không cách biệt nơi khác, sao có nghĩa của Trùng Hội? Nếu dựa theo thứ tự, thì thời gian trước-thời gian sau tức là nghĩa của Trùng. Nếu dựa theo viên dung, thì dựa vào nghĩa mà gọi là Trùng, bởi vì không rời khỏi hai nơi chốn trước đây mà lên trên bốn cõi trời. Hội thứ hai và Hội thứ bảy hướng về với nhau cũng đâu có gì cách biệt. Rõ ràng biết rằng, dựa theo nghĩa cũng giống như ánh sáng của ngọn đèn hòa vào nhau không hề ngăn ngại, cũng tựa như bắc đèn vừa phát cháy-vừa sáng tỏ. Dựa theo con người gọi là Hội hỏi-đáp của Phổ Tuệ và Phổ Hiền.

Ba- Tên gọi của Phẩm, có hai tiết: 1- Có được tên gọi; 2- Giải thích tên gọi.

Tiết 1- Có được tên gọi, lại phân hai tiết:

Tiết a- Tên gọi khác nhau, văn sau có mười nghĩa, đến văn ấy sẽ phân rõ. Có bản lưu hành riêng biệt (Biệt Hành) gọi là kinh Độ Thế, Độ tức là nghĩa của Ly. Lại có bản lưu hành riêng biệt gọi là kinh Phổ Hiền Bồ Tát Đáp Nạn Nhị Thiên, đây là dựa theo người và pháp chủ động lìa xa mà nhận lấy tên gọi.

Tiết b- Chính thức phân rõ về tên gọi căn bản, có tổng quát-riêng biệt.

Tổng quát là do vượt lên trên tất cả tạp nhiễm của thế gian, mà nhận lấy tên gọi ấy.

Riêng biệt có ba nghĩa: Một- Dựa theo Pháp; Hai- Dựa theo Hạnh; Ba- Dựa theo phần vị.

Một- Dựa theo Pháp: Trước là thế gian, sau là lìa xa thế gian.

Trước là thế gian, có ba loại:

Một: Dựa theo Sự tướng, có hai thế gian, là Khí thế gian và Hữu tình thế gian. Đây là dựa theo Y báo-Chánh báo mà phân ra.

Hai: Dựa theo thô và tế, cũng có hai: 1- Thế gian hữu vi; 2- Thế gian vô vi. Đây là dựa theo Phần đoạn-Biến dịch mà phân ra. Bởi vì Biến dịch không phải là ba cõi thâm nhiếp, cho nên gọi là Vô vi, kinh Thắng Man nói: “Sinh tử hữu vi, sinh tử vô vi.” Nhưng thô tế tuy khác nhau mà Thế không ra ngoài hai loại.

Ba: Dựa theo nhiễm và tịnh có ba loại, ở trong hai loại đầu là Khí thế gian và Hữu tình thế gian thêm vào Trí chánh giác thế gian, bởi vì nêu ra giống với thế gian và không giống với thế gian, như Địa Luận

phân rõ.

Sau là trình bày về lìa xa thế gian, lìa xa có hai nghĩa: Một- Tánh lìa xa, tánh của thế gian vốn Không, tức là xuất thế gian. Hai- Trình bày về Sự lìa xa, hạnh thành tựu không còn tạp nhiễm. Tụng của Lục Lâm nói rằng:

*“Pháp thuộc năm uẩn trong ba đời,
Giải thích tên gọi là thế gian,
Pháp ấy diệt không phải thế gian,
Như vậy chỉ mượn làm tên gọi.”*

Diệt bao gồm hai nghĩa. Ở trong Sự lìa xa, có tướng tự lìa xa, chân thật lìa xa, từng phần lìa xa, hoàn toàn lìa xa. Tiếp theo sau sẽ phân rõ.

Hai- Dựa theo Hạnh, sơ lược làm thành bốn câu phân biệt: 1- Tùy thuận; 2- Lìa xa; 3- Cả hai; 4- Mất đi.

1- Tùy theo: Phàm phu chìm đắm trong năm uẩn thế gian, không phải là lìa xa, không phải là tùy thuận. Nhị thừa không có Bi, không có thể tùy thuận thế gian, tuy lìa xa mà không phải là chân thật. Bồ-tát có thể tùy thuận thế gian mới là chân thật lìa xa. Vì vậy dùng tùy thuận để giải thích về lìa xa.

2- Lìa xa: Bởi vì có Đại Trí cho nên hiểu rõ về tánh lìa xa của thế gian, ở giữa thế gian mà không nhiễm theo, cũng khác với phàm phu-Tiểu thừa.

3- Cả hai: Bi cho nên thường đi giữa thế gian, Trí cho nên không nhiễm theo pháp thế gian. Đã dùng thế gian cùng với tánh lìa xa không hai để làm cảnh giới của mình, dùng Bi-Trí không hai để làm công hạnh của mình. Cảnh và Hạnh dung thông có ba câu: Một- Tất cả Bi đều là Trí thì tất cả thế gian đều lìa xa, vì vậy thường ở thế gian mà chưa hề không ra khỏi. Hai- Tất cả Trí đều là Bi cho nên tất cả lìa xa đều là thế gian, vì vậy luôn luôn vượt qua thế gian mà bày tỏ tất cả đều là thường xuyên qua lại thế gian. Ba- Dung thông cả hai cho nên động-tĩnh không hai, chỉ là một niệm, đó gọi là Vô niệm, Vô niệm bình đẳng cho nên thế gian cùng với xuất thế gian không có gì chướng ngại.

4- Mất đi: Nghĩa là cảnh thế gian cùng với tánh lìa xa đã so sánh làm mất đi cả hai, vì vậy khiến cho Bi-Trí cùng dung thông, hai niệm cùng bật dứt. Lại bởi vì Cảnh và Hạnh dựa vào nhau so sánh làm mất đi mà lìa xa như nhau, thì bật dứt đối đãi-lìa xa ngôn từ. Dung thông bốn câu trước đều không có chướng ngại, mới là chân thật lìa xa thế gian.

Ba- Dựa theo phần vị: Phàm phu nhiễm theo mà không phải là lìa

xa. Nhị thừa lìa xa từng phần chứ không phải là chân thật lìa xa, nghĩa là quả lìa xa Phần đoạn, mà nhân chỉ là Sự lìa xa, không phải là ở đây trình bày. Bồ-tát đầy đủ Hạnh chân thật trên đây, thích hợp có thể gọi là lìa xa, mà không phải là hoàn toàn. Chỉ riêng Phật là lìa xa, cho nên Kinh nói:

*“Đức Phật thường ở tại thế gian,
Mà không nhiễm theo pháp thế gian.”*

Nhưng trong văn này, đầy đủ Hạnh của sáu phần vị, tức là Hạnh lìa xa; phần vị làm chỗ dựa của Hạnh, tức là phần vị lìa xa. Vì vậy, hoặc là Sự, hoặc là Lý, hoặc là Nhân, hoặc là Quả, đều gọi là lìa xa.

Tiết 2- Giải thích tên gọi: Dựa theo Pháp thì Sự lìa xa không nhận lấy tên gọi từ nơi khác, lìa xa không phải là thế gian, tức là Tương vi thích (1 trong 6 loại giải thích). Nếu dựa theo Tánh lìa xa, thì bao gồm Trì nghiệp thích. Dựa theo bốn câu phân biệt về Hạnh, ba câu trước cùng bao gồm Trì nghiệp và Tương vi thích, bởi vì Sự-Lý đều lìa xa; một câu sau đều không phải là sáu loại giải thích, cũng có thể là Trì nghiệp thích, bởi vì mất đi tức là lìa xa.

C- TÔNG THỨ: Lập tức làm sáng tỏ về sáu phần vị, Lý-Sự đều lìa xa làm Tông; khiến cho Thể tánh lìa xa, lập tức thành tựu chân thật lìa xa hoàn toàn làm Thứ.

D- CHÍNH THỨC GIẢI THÍCH VĂN: Trường hàng phân làm mười phần: Một- Phần Tựa; Hai- Phần Tam-muội; Ba- Phần Phát khởi; Bốn- Phần Khởi định; Năm- Phần Thừa thỉnh; Sáu- Phần Thuyết giảng; Bảy- Phần Kết thúc khuyến khích; Tám- Phần Hiện rõ điềm lành; Chín- Phần Chứng minh thành tựu; Mười- Phần Trùng tụng.

Phần một: Phần Tựa, có ba: 1- Khí thế gian viên mãn, nghĩa như trước giải thích; 2- Từ “Diệu ngộ...” trở xuống là Trí chánh giác thế gian viên mãn; 3- Từ “Dữ bất khả thuyết...” trở xuống là Chúng sinh thế gian viên mãn.

Trong phần 2 là Trí chánh giác thế gian viên mãn, trình bày về hai mươi một loại công đức thù thắng của Phật, mở rộng dẫn ra các Luận đã thấy ở phẩm Thăng Đâu Suất. Nay chỉ sơ lược trình bày: Đầu là câu tổng quát đầy đủ hai mươi một loại công đức ở sau, cho nên nói là tỏ ngộ vi diệu đều đầy đủ. Sau từ “Nhị hành...” trở xuống là riêng biệt, trong đó: Bốn loại trước là Tự lợi, còn lại đều là Lợi tha.

Trong bốn loại trước: Một- Trí đức; Hai- Đoạn đức; Ba- Ân đức; Bốn- Đức tác dụng bình đẳng.

1- Hai hành vĩnh viễn bất dứt, tức là công đức luôn luôn không có

chươngng ngại đối thay đối với pháp đã nhận biết. Kinh Phật Địa gọi là Bất nhị hiện hành, chữ Bất này nên nói là Vô, tức là nghĩa của vĩnh viễn bất dứt. Nghĩa là Trí đức của Phật lìa xa Sở tri chươngng, không giống như Thanh văn có lúc không biết về thời gian-nơi chốn rất xa..., bởi vì có nhận biết-không nhận biết tức là hai hành. Nay không có gì không nhận biết, cho nên nói là vĩnh viễn bất dứt.

2- Thông hiểu về pháp Vô tướng, tức là công đức có thể tiến vào Chân Như tối thắng thanh tịnh, không có hai tướng đối với có-không có. Kinh Phật Địa gọi là hướng về pháp Vô tướng. Thú nghĩa là hướng về tiến vào, tức là nghĩa của thông hiểu ở đây. Nhưng Thể của pháp Vô tướng tức là Chân Như, không có hai tướng có-không có, cho nên gọi là Vô tướng. Thanh tịnh nhất trong các pháp, bởi vì không có khách trần, khiến cho Tự-Tha tiến vào, thù thắng đối với Nhị thừa, cho nên gọi là Tối thắng thanh tịnh.

3- Trú vào trú xứ của Phật, tức là công đức tự nhiên không có công dụng, thực hiện Phật sự không dừng nghỉ. Thế Thân giải thích rằng: “Nghĩa là trú vào không có gì trú vào, là nơi an trú của Phật. Đây tức là giải thích về Kinh. Ở trong trú xứ này thường thực hiện Phật sự không có dừng nghỉ. Đây tức là giải thích về Luận.”

4- Đạt được bình đẳng của Phật, tức là công đức làm việc không có sai biệt dựa vào ý thích ở trong Pháp thân. Nghĩa là chư Phật có ba sự việc không có sai biệt: a- Trí làm chỗ dựa giống nhau; b- Ý thích làm lợi ích cho chúng sinh giống nhau; c- Tác nghiệp của Báo thân-Hóa thân giống nhau. Vì vậy nói là bình đẳng.

5- Đến nơi không có chươngng ngại, tức là công đức tu tập đối trị tất cả chươngng ngại. Thế Thân giải thích rằng: “Nghĩa là tất cả thời gian luôn luôn tu tập Giác Tuệ bởi vì đối trị tất cả chươngng ngại. Đây là trình bày về Giác Tuệ làm chủ động đối trị, tất cả chươngng ngại tức là hai chươngng làm thụ động đối trị.”

6- Pháp không thể chuyển đổi, tức là công đức hàng phục tất cả ngoại đạo. Nghĩa là Giáo đạo và Chứng đạo, người khác vốn không có thể làm cho lay động.

7- Những công hạnh vô ngại, tức là công đức sinh ở thế gian mà không bị pháp thế gian làm cho chươngng ngại. Nghĩa là tám pháp Lợi-Suy..., vốn không có thể ràng buộc.

8- An lập không thể nghĩ bàn, tức là công đức an lập Chánh pháp. Nghĩa là an lập mười hai Phần giáo, mà người khác không có thể suy lường.

9- Thấy tất cả ba đời, tức là công đức thọ ký. Nghĩa là thọ ký riêng biệt ở quá khứ-vị lai đều như hiện tại.

10- Thân luôn luôn đầy khắp tất cả quốc độ, tức là công đức thị hiện thân Thọ dụng-Biến hóa ở tất cả thế giới. Nghĩa là hai loại thân có khắp ở hai loại quốc độ.

11- Trí luôn luôn thông hiểu rõ ràng về tất cả các pháp, tức là công đức đoạn trừ nghi ngờ. Nghĩa là tự mình khéo léo quyết định đối với tất cả các cảnh giới, cho nên có thể quyết đoán nghi ngờ của người khác.

12- Hiểu rõ tất cả các hành, tức là công đức khiến cho tiến vào đủ loại công hạnh. Hai cách giải thích trong Nhiếp Luận để hiểu cho nên không giải thích, ý nói rằng: Hiểu rõ tánh hành của tất cả chúng sinh ở khắp nơi, tùy theo căn cơ mà khiến cho tiến vào.

13- Diệt hết tất cả nghi ngờ, tức là công đức phát sinh Diệu Trí của pháp vị lai. Nghĩa là Thanh văn nói rằng hữu tình ấy hoàn toàn không có thiện căn, Như Lai nhận biết thiện căn nhỏ bé lâu xa của hữu tình ấy, về sau sẽ phát sinh.

14- Thân không có ai có thể suy lường, tức là công đức thị hiện như Thắng giải của hữu tình ấy. Nghĩa là tùy theo đủ loại Thắng giải của các hữu tình, hiện thân như sắc vàng ròng..., tuy hiện thân này mà không có phân biệt, như ngọc Ma-ni... vốn không có thể suy lường được.

15- Trí đã mong cầu của tất cả Bồ-tát, tức là công đức gia hạnh mà vô lượng Bồ-tát làm chỗ dựa để điều phục hữu tình. Nghĩa là vô lượng Bồ-tát đã dựa vào lực tăng thượng của Phật, bởi vì muốn điều phục các hữu tình mà phát khởi gia hạnh, nghe pháp đạt được Diệu Trí làm đầu tiên, thân nhiếp tiếp nhận dẫn dò gởi gắm cho Bồ-tát khác chủng loại, lần lượt chuyển tiếp truyền đến vị lai nối tiếp nhau không gián đoạn mà chuyển, từ đây chứng được Trí đã mong cầu của tất cả Bồ-tát. Ý nói rằng: Trí Phật vốn là pháp mà tất cả Bồ-tát đều mong cầu.

16- Đạt đến Niết-bàn cứu cánh không hai của Phật, tức là công đức của Pháp thân bình đẳng thành tựu đầy đủ các pháp Ba-la-mật-đa. Bình đẳng tức là nghĩa của không hai, Pháp thân không hai làm chỗ dựa của Ba-la-mật-đa.

17- Đầy đủ giải thoát bình đẳng của Như Lai, tức là công đức tùy theo Thắng giải của chúng sinh, thị hiện quốc độ Phật sai biệt. Trong này, Giải thoát tức là Thắng giải, tùy theo thích hợp với Thắng giải của chúng sinh, Thắng giải của Như Lai có thể hiện rõ quốc độ vàng-bạc... Tất cả chư Phật đều như vậy, cho nên nói là bình đẳng.

18- Chứng được Địa bình đẳng của Phật không có ở giữa và hai bên (Trung-biên), tức là công đức không có phân biệt giới hạn phương hướng nơi chốn của ba loại thân Phật. Thế Thân nói rằng: “Nghĩa là Pháp thân Phật không thể phân biệt giới hạn Thọ dụng-Biến hóa, ở những phương hướng nơi chốn như vậy, cũng không thể nói ở những thế giới như vậy.”

19- Tận cùng pháp giới, tức là công đức tận cùng giới hạn sinh tử, thường hiện thân làm lợi ích yên vui cho tất cả hữu tình.

20- Sánh bằng hư không giới, tức là công đức vô tận. Nghĩa là Thật Trí của Phật vốn như hư không vô tận. Kinh này thiếu câu cuối cùng là tận cùng thời gian vị lai, tổng quát và riêng biệt hợp lại có hai mươi mốt câu, nghĩa nói như trước. Nhưng luận Phật Địa-Nhiếp Luận dựa theo Thân thọ dụng, ở đây dựa theo mười Thân. Sở dĩ nhận biết, bởi vì ở nước Ma-kiệt-đề là quốc độ Biến hóa, mà ca ngợi công đức Thọ dụng, rõ ràng biết là hai Thân-hai quốc độ vốn dung thông với nhau, không cần Địa tiền-Địa thượng, thì năm phần vị nhìn thấy tất cả

Trong phần 3 là Chứng sinh thế gian viên mãn, có hai: Trước là nêu ra số lượng ca ngợi về đức; sau từ “Kỳ danh...” trở xuống là nêu ra tên gọi ca ngợi về đức. Trước là nhiều người đầy đủ đức, sau là người thù thắng đầy đủ đức.

Trong phần trước là nêu ra số lượng ca ngợi về đức, có hai: a- Nêu lên số lượng chọn ra quyết định; b- Từ “Tất cụ Bồ-tát...” trở xuống là ca ngợi đầy đủ đức thù thắng.

Trong phần b có ba mục: Một- Tổng quát nêu lên; Hai- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày; Ba- Từ “Thành tựu...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong mục hai là riêng biệt hiển bày, có mười chín câu đều không ra ngoài Trí tuệ phương tiện, phân hai: 1- Mười câu ca ngợi về đức thuộc Tự phần; 2- Từ “Ưu nhất niệm...” trở xuống là chín câu ca ngợi về đức thuộc Thắng tiến.

Trong mục 1: Tám câu trước đều có Trí tuệ phương tiện, bởi vì dựa vào Thế dấy khởi Dụng. Năm câu trước lấy năng lực khéo léo làm đầu câu. Câu 6- Nhận biết về nghiệp quả trống rỗng mà không hủy hoại. Câu 7- Nhận biết căn khí sai khác, trình bày về bệnh của Thức. Câu 8- Duy trì giáo pháp để hóa độ. Hai câu sau trình bày về có Tuệ phương tiện, đều dựa vào Sự quy về Thật.

Trong mục 2, là đức thuộc Thắng tiến: Câu đầu là tổng quát trình bày về Trí thuộc quả nhanh chóng thành tựu, tám câu còn lại đều là

Dụng của Trí thuộc quả, có thể biết.

Mục ba là tổng quát kết luận, có thể biết.

Trong phần sau là nêu ra tên gọi ca ngợi về đức, có hai: a- Nêu ra tên gọi kết luận về số lượng; b- Từ “Giai tất...” trở xuống là ca ngợi về đức.

Trong phần b, văn có mười câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Trong riêng biệt: 1- Nguyên tròn vẹn phù hợp với Lý, bởi vì đầy đủ mắt rộng khắp (Phổ Nhân). 2- Thân nhiếp giáo pháp đứng đầu, bởi vì giáo hóa rộng khắp (Phổ Hóa). 3- Thọ trì Chánh pháp, bởi vì có Tuệ rộng khắp (Phổ Tuệ). 4- Không đoạn mất chủng tánh Phật, bởi vì thấy tất cả đều có tánh Phật (Phổ Kiến). 5- Nhận biết nghi thức giáo hóa của Phật, bởi vì ánh sáng xuyên suốt tất cả (Phổ Triệt). 6- Thị hiện thành Phật, bởi vì quán sát thấy rõ không có (Phổ Quán). 7- Làm thanh tịnh căn cơ tạp nhiễm, bởi vì soi chiếu nguồn gốc của tạp nhiễm (Phổ Chiếu). 8- Phá bỏ chướng ngại của người khác, bởi vì có Trí cao nhất (Trí Tràng). 9- Chứng được pháp giới, bởi vì hiểu rõ về pháp tánh (Phổ Giác).

Chín câu trên đây riêng biệt trình bày, thì câu đầu là Nguyên, tám câu còn lại là Hạnh, nói tổng quát đều là Nguyên của Phổ Hiền. Bởi vì nay đã đầy đủ lời thề xưa kia, như mười Đại Nguyên, đều là Hạnh của Phổ Hiền, bởi vì duyên với hiện tại mà thực hiện, cho nên câu tổng quát nói rằng: Thành tựu Hạnh Nguyên. Lại mười câu này thì mười người đều đầy đủ, cho nên văn nói rằng: Thấy đều thành tựu. Cũng là một câu hiển bày về đức của một người, vốn là giải thích về tên gọi, cho nên câu tổng quát là Phổ Hiền, chín câu còn lại như thứ tự, trước đã phối hợp giải thích.

Phần hai: Từ “Nhĩ thời Phổ Hiền...” trở xuống là phần Tam-muội. Phổ Hiền tiến vào Tam-muội, bởi vì là Hội chủ, cho nên thuyết giảng về Phổ Hạnh. Phật Hoa Nghiêm, vốn là vạn hạnh mở bày mà trang nghiêm Pháp thân, tức là dùng biển tâm của Hạnh môn pháp giới làm Thể mà duy trì vô hạn, thuyết pháp thành tựu về Hạnh phát khởi làm Dụng, cho nên dựa vào công năng này.

Phần ba: Từ “Nhập thử Tam-muội thời...” trở xuống là trình bày về phần Phát khởi: 1- Trình bày về mặt đất rung động mà thức tỉnh căn cơ chúng sinh; 2- Hiển bày phát ra âm thanh mà khiến cho nghe pháp.

Trước đây đều có phần Gia hộ mà không có phần Phát khởi, ở đây có phần Phát khởi mà không có phần Gia hộ, là bởi vì trước đây biểu thị

về Giải có thể thuận theo người khác, cho nên có người khác gia hộ; ở đây biểu thị về Hạnh do chính mình thiết lập, mà tự lực phát khởi. Lại biểu thị về Hạnh dựa vào Giải phát khởi, không có pháp gì khác cho nên không gia hộ, thâm nhiếp Giải thành tựu Hạnh cũng cần phải nhập Định, Thánh Chỉ nhiều cách không thể cùng một chuẩn mực.

Phần bốn: Từ “Nhiên hậu tùng...” trở xuống là phần Khởi định, ba nghĩa như trước.

Phần năm: Từ “Nhĩ thời Phổ Tuệ...” trở xuống là phần Thưa thỉnh, có ba: 1- Tổng quát nêu lên ý thưa hỏi; 2- Từ “Phật tử...” trở xuống là chính thức hiển bày về điều thưa hỏi; 3- Từ “Thiện tai, Phật tử...” trở xuống là kết thúc thưa thỉnh mong mỗi thuyết giảng.

Phần 1: Tổng quát nêu lên ý thưa hỏi: Chúng đương cơ quy tụ, đến lúc thuyết pháp, đây là ý thưa hỏi, vì sao các Hội trước đây thì thưa hỏi trước-nhập Định sau, nay lại ngược với điều này? Ở đây có hai ý: Một-Nghi thức về thuyết giảng không có nhất định, trước đây biểu thị cho tôn trọng giáo pháp, Cẩn rồi sau đó mới Ứng; ở đây trình bày về tâm Bi sâu xa, quán sát căn cơ mong muốn thuyết giảng, bởi vì Đại chúng đã quy tụ, trước phải nhập Định khiến cho nhận biết vị Chủ thuyết giảng. Hai-Dựa theo pháp đã biểu thị, thì trước đây trình bày thuận theo Tướng tiến vào Thật, mà thành tựu Chánh Giải; trong này là dựa vào Thể khởi Dụng mà thành tựu Chánh Hạnh, cho nên không giống nhau.

Phổ Tuệ thưa hỏi, là bởi vì phù hợp với Tuệ về pháp giới mà có thể phát khởi thực hành. Một người thưa hỏi, là bởi vì Hạnh riêng mình đã thành tựu chứ không phải như Giải.

Trong phần 2: Là chính thức hiển bày về điều thưa hỏi, có hai trăm câu. Bản lưu hành riêng biệt là kinh Độ Thế tách biệt đưa ra sáu lượt hỏi-đáp, trong mỗi một lượt đều trước là thưa hỏi, tiếp là giải đáp, sau là mặt đất rung động hiện rõ điềm lành, hiển bày lợi ích chứng minh thành tựu.

Từ xưa đến nay, các Sư đều dựa vào văn ấy dùng để phân tích về kinh này, mà làm thành sáu đoạn: Một- Hai mươi câu đầu thưa hỏi về Hạnh của Thập Tín; Hai-Từ “Phát Phổ Hiền tâm...” trở xuống là hai mươi câu, thưa hỏi về Hạnh của Thập Trú; Ba- Từ “Lực trì...” trở xuống là ba mươi câu, thưa hỏi về Hạnh của Thập Hạnh; Bốn- Từ “Như bảo trú...” trở xuống là hai mươi chín câu, thưa hỏi về Hạnh của Thập Hồi Hương; Năm- Từ “Thân nghiệp...” trở xuống là năm mươi câu, thưa hỏi về Hạnh của Thập Địa; Sáu- Từ “Quán sát...” trở xuống là năm mươi một câu, thưa hỏi về Hạnh thuộc nhân tròn vẹn-quả đầy đủ.

Trong đoạn thứ tư, tuy có ba mươi câu mà bởi vì một câu về Dụng vô ngại là câu tổng quát nêu lên chứ không có nghĩa đích thực; ở đây có năm mươi một câu, kinh này tổng quát có ba lượt thuyết giảng về sáu phần vị, đây là đoạn thứ hai dựa theo Hạnh thuyết giảng. Bởi vì Hạnh Phổ Hiền bao gồm sáu phần vị, mà kinh Độ Thế trong lần thừa thỉnh thứ nhất nói rằng: Chỉ mong giải thích thuyết giảng về Hạnh của các Bồ-tát, từ đầu đến cuối khiến cho không còn nghi ngờ. Kinh ấy tuy không phối hợp với Tín..., nhưng đã nói là từ đầu đến cuối, cuối cùng lại trình bày về thành Phật, thì biết chắc chắn là Hạnh của sáu phần vị.

Kinh này sở dĩ không hỏi đáp xen nhau, là ý chọn lấy Hạnh trong phần vị mà không chọn lấy phần vị, như phần sau nói về viên dung. Nếu nhất định dựa theo phần vị, thì đâu khác với nhân quả sai biệt? Kinh này từ trên xuống dưới và kinh Bốn Nghiệp..., phân định về sáu phần vị, đều dùng Tín chưa tiến vào phần vị Thập Trú làm đầu, nghĩa là Tam Hiền-Thập Thánh-Đẳng Giác-Diệu Giác, nay vì sao không tách biệt Đẳng Giác mà chọn lấy Tín? Điều này có ý sâu xa, kinh ấy và ý trước của kinh này thuộc về phần vị, chọn lấy phần vị thành tựu mà nói. Nay ý này trình bày về Hạnh, cho nên Hạnh của Thập Tín chính là ở Hạnh đầu tiên. Phần vị của Đẳng Giác có ba nghĩa của phần vị, hoặc là thâm nhiếp thuộc về Thắng tiến trước Thập Địa, hoặc là thâm nhiếp thuộc về sau Thập Địa thì gọi là Phật, hoặc là tách ra phần vị riêng biệt gọi là Vô Cấu Địa.

Nay bởi vì thuyết giảng về Hạnh, thâm nhiếp thuộc về trong nhân tròn vẹn, năm mươi một câu chỉ có bốn câu sau thuộc về phần vị Diệu Giác, còn lại đều là Đẳng Giác.

Nếu như vậy thì trong này dựa vào ngôn từ, dựa vào tâm Bồ-đề..., lẽ nào không phải là Phát Tâm Trú hay sao? Chất vấn điều này càng không phải, đoạn thứ hai là bắt đầu phát tâm Phổ Hiền, lẽ nào không phải là Phát Tâm Trú hay sao? Bắt đầu phần vị Thập Tín, lẽ nào không có phát tâm hay sao? Vì vậy Hiền Thủ nói rằng: “Bồ-tát phát tâm mong cầu Bồ-đề, không phải là không có nhân-không có duyên, bình đẳng chính là chỗ dựa của phát tâm, không suy xét về ý nghĩa này thì chỉ dựa vào chứng cứ bày ra trống rỗng.”

Phần 3: Là kết thúc thừa thỉnh mong mỗi thuyết giảng, có thể nhận biết.

Trong phần sáu- Từ “Nhĩ thời Phổ Hiền Bồ-tát cáo...” trở xuống là phần Thuyết giảng, có hai: 1- Tổng quát nói cho biết; 2- Từ “Phật tử...” trở xuống là chính thức giải đáp, giải đáp hai trăm câu hỏi ở môn

trước đây, thưa hỏi một-giải đáp mười để hiển bày về Vô tận, thành ra hai ngàn câu giải đáp là bởi vì Hạnh thù thắng của Phổ Hiền.

Pháp sư Anh nói: “Mây ùn lên hai trăm câu hỏi, bình rót xuống hai ngàn câu trả lời.”

Giải thích hai ngàn câu giải đáp này, tóm lược làm thành năm môn: Môn thứ nhất-Dựa theo nhân quả; môn thứ hai-Phân biệt về phần vị của Hạnh; môn thứ ba-Hiển bày về tổng quát và riêng biệt; môn thứ tư-Trình bày về thu nhận tất cả; môn thứ năm-Phân rõ về tướng của Hạnh. Những câu hỏi trước nêu ra ở đây.

Môn thứ nhất: Dựa theo nhân quả, có bốn: 1- Dựa theo tất cả phần vị, năm phần vị trước là nhân, một phần vị sau là quả; hoặc bốn môn sau là quả, còn lại đều là nhân. 2- Dựa theo vi tế để phân rõ, tất cả đều xuyên suốt quả Phật, cho nên cuối các văn đều kết luận được thành Phật, vậy thì hai ngàn câu giải đáp đều bao gồm nhân quả. 3- Hoặc là tổng quát thuộc về nhân, bởi vì Hạnh trong phần vị Phổ Hiền nêu rõ về thành Phật. 4- Hoặc là đều thuộc về quả, văn sau phần nhiều nói là: Tuy được thành Phật mà không gián đoạn Hạnh của Bồ-tát.

Môn thứ hai: Phân biệt về phần vị của Hạnh, cũng có bốn nghĩa: 1- Thu nhận Hạnh thành tựu phần vị, mà phân ra thành sáu phần vị. 2-Tổng quát thuộc về phần vị thu nhận, bởi vì Hạnh đều là Hạnh trong phần vị. 3- Tổng quát thuộc về Hạnh, bởi vì Thể của Hạnh Phổ Hiền không dựa vào phần vị. 4- Một Hạnh có khắp sáu phần vị, bởi vì tất cả các phần vị bao gồm tu tập, không ngăn ngại như vậy mới là Hạnh Phổ Hiền. Nhưng văn chính thức hiển bày về hai phần vị sau, bởi vì thu nhận Hạnh thành tựu phần vị, phần vị hư rộng mà Hạnh chân thật, cho nên hỏi-đáp gộp lại nêu ra, không phân ra sáu lượt, ý thuộc về nơi này.

Môn thứ ba: Hiển bày về tổng quát và riêng biệt, nghĩa là một tướng của Hạnh nhất định phải rộng khắp tất cả, nhưng luôn luôn không xen tạp, không xen tạp cho nên riêng biệt; nghĩa phân ra khác nhau, nhất định phải rộng khắp cho nên tổng quát. Nghĩa thâm nhiếp đầy đủ, giống như vẻ đẹp của gấm do nhiều màu sắc làm thành vẻ đẹp, luôn luôn tổng quát-luôn luôn riêng biệt, từng sợi từng sợi đan xen xuyên suốt, không giống như thêu. Pháp của Hạnh thành tựu cũng như vậy, ngay nơi tổng quát là riêng biệt, ngay nơi riêng biệt thành tựu tổng quát, đều không có gì chướng ngại. Nếu như vậy thì Hạnh này là tổng quát-riêng biệt đầy đủ, vì sao chỉ gọi là Hạnh Phổ Hiền? Không nói là giữ lấy tổng quát mà không thể nào riêng biệt, cũng không làm ra riêng biệt mà mất đi tổng quát, thật sự là có thể riêng biệt mà không hủy hoại tổng quát, cho nên

gọi là Hạnh Phổ Hiền. Lại tổng quát nhất định phải có riêng biệt, nhưng nói về một riêng biệt thì chưa hẳn là có tổng quát, như một sợi tơ không phải là gấm, bởi vì không phải là sợi tơ trong gấm.

Môn thứ tư: Trình bày về thu nhận tất cả, lại có bốn lớp: 1- Dùng phần vị thu nhận phần vị, tất cả sáu phần vị đều thu nhận tất cả phần vị, một phần vị đã đầy đủ hai ngàn, là một vạn hai ngàn Hạnh. Trước đây nói: Trong một Địa đầy đủ công đức của tất cả các Địa. 2- Dùng môn thu nhận môn thì có hai trăm môn, mỗi một môn đều thu nhận tất cả các môn, thì hai trăm nhân với hai trăm trở thành bốn vạn Hạnh. 3- Dùng Hạnh thu nhận Hạnh, một Hạnh đầy đủ tất cả các Hạnh, thì có hai ngàn Hạnh nhân với hai ngàn Hạnh trở thành bốn triệu Hạnh. 4- Dùng tóm lược thâm nhiếp mở rộng, hai ngàn Hạnh này, văn tụng sau kết luận rằng: Như một mảy bụi của mặt đất. Dùng một mảy bụi này để tóm lược nói về không tách lìa mặt đất rộng lớn khắp mười phương. Vì thế cho nên thâm nhiếp mở rộng cũng không có gì không hết. Đây chính là sánh bằng pháp giới không có cuối cùng, vượt qua hư không không có giới hạn. Tụng sau nói:

*“Hư không có thể suy lường được,
Đức của Bồ-tát không cùng tận.”*

Chính là nói đến nghĩa này.

Môn thứ năm: Phân rõ về tướng của Hạnh, tức là giải thích theo văn. Giải thích dựa vào tướng riêng biệt, tức là phân ra sáu đoạn:

Đoạn 1: Có hai trăm câu, giải đáp hai mươi câu hỏi về Hạnh của Tín trước đây, văn phân ra ba mục riêng biệt: Một- Có chín môn trình bày về Hạnh thuộc Tự phần đầy đủ; Hai- Từ “Nhập chư Bồ-tát...” trở xuống có tám môn về Hạnh thuộc Thắng tiến tròn vẹn; Ba- Từ “Sai biệt Trí...” trở xuống có ba môn trình bày về hai Hạnh cứu cánh.

Mục một- Có chín môn trình bày về Hạnh thuộc Tự phần đầy đủ, một môn là một loại, tức làm thành chín đoạn.

Đoạn một: Trình bày về dựa vào, là nơi dựa vào mà khởi Hạnh, nghĩa là dựa vào tâm Bồ-đề bình đẳng mà thành tựu vạn hạnh, phẩm Hiền Thủ nói: Bồ-tát phát tâm mong cầu Bồ-đề, không phải là không có nhân, không có duyên...

Nhưng hai trăm môn phần nhiều phân ra năm tiết riêng biệt: Một- Tổng quát nêu lên; hai- Đưa ra số lượng; Ba- Nêu ra giải thích; Bốn- Kết luận về số lượng; Năm- Hiền bày về lợi ích thù thắng của tu tập. Hoặc là thiếu hai tiết sau, hoặc là thiếu tiết năm, đến văn sẽ biết. Nay trong đoạn này trình bày về dựa vào, văn có đủ năm tiết. Hai tiết đầu

có thể biết.

Ngay trong tiết ba-Nêu ra giải thích có mười câu, đều trước là nêu lên tên gọi, sau là giải thích về nghĩa:

1- Dựa vào tâm Bồ-đề, mười câu đều gọi là dựa vào. Đã là Hạnh đầu tiên của các Hạnh, mà tâm Bồ-đề lại là tâm đầu tiên trong mười tâm, bởi vì là căn bản của vạn hạnh, xuyên suốt đứng đầu hai ngàn Hạnh. Giải thích rằng: Không quên mất, là quên mất tâm Bồ-đề, mà tu tập các thiện căn, thì chính là ma nghiệp. Vì vậy dựa vào tâm này không quên thì có thể thành tựu vạn hạnh. Câu này là tổng quát.

2- Trên đây tuy bên trong có tâm thù thắng, nhưng nếu bên ngoài không dựa vào Thiện hữu, thì Hạnh cũng không có gì thành tựu. Đại Thánh là lời của Thiện Tài, mong cầu Thiện tri thức là nhân duyên đầu tiên của Bồ-đề Vô thượng. Giải thích rằng: Như một người, nếu không phù hợp với tâm hành, thì lẽ nào làm bạn mình hay sao?

3- Nếu không tăng thêm thiện căn tu tập, thì gặp được bạn đâu lợi ích gì?

4- Tùy theo thiện căn đã tu tập, cần phải đạt đến Niết-bàn.

5- Không chỉ riêng mười Độ, mà nhìn đến cảnh đều thông suốt.

Bốn câu trên là Tự lợi.

6- Nguyện.

7- Hạnh. Hai câu này đều bao gồm Tự lợi-Lợi tha. Sáu câu trên đều dựa vào pháp, ba câu sau là dựa vào người.

8- Bạn siêu việt có Trí giống nhau.

9 và 10- Bởi vì nơi nương tựa chỉ riêng Phật là cứu cánh, tâm thanh tịnh cúng dường để thành tựu phước đức, luôn luôn vâng theo lời dạy Từ Bi để thành tựu Trí trang nghiêm.

Lại năm câu trước là Tự phân; năm câu sau là Thắng tiến: Câu 6 là mở rộng về tâm Bồ-đề, câu 7 là mở rộng về câu 3-4-5, ba câu sau là mở rộng về câu 2.

Tiết bốn- Kết luận về số lượng, có thể biết.

Tiết năm- Hiện bày về lợi ích thù thắng của tu tập, bởi vì dựa vào mười Đại Trí thành Phật trên đây, làm chỗ dựa cho tất cả. Đây là lợi ích thù thắng, lẽ nào có thể không tu tập hay sao? Vì vậy cũng gọi là khuyến khích tu tập.

Đoạn hai: Tưởng khác lạ: Trước là dựa vào nhân duyên để thành tựu các Hạnh, nay dựa vào Tưởng thù thắng để thâm nhiếp thiện căn, vượt qua nguồn gốc của vọng tưởng, mà tiếp theo làm chỗ dựa, đều vượt khỏi Tưởng bình thường mà nhận lấy tên gọi khác lạ, tức là Tưởng

về lợi ích như luôn luôn mong muốn lợi ích yên vui cho các chúng sinh... trong văn trước đây. Trong mười câu:

1- Lấy thiện của người khác giống như mình, tình thức không có phân biệt đôi bên mà tùy hỷ với người khác, làm chủ-bạn lẫn nhau mà giúp cho nhau lợi ích, bởi vì cùng chung Thể tánh, tức là công hạnh của mình, cho nên Tự-Tha ngay trong nhau.

4 và 6-Nguyện và Hạnh cũng như vậy.

2- Bởi vì một chút thiện nhỏ bé đều là nhân của Phật, trong kinh Pháp Hoa nói đưa tay-cúi đầu đều đã thành Phật.

3- Bởi vì dưới đến Xiển-đề đều có Phật tánh.

5- Kinh Tư Ích nói: “Biết lia xa gọi là pháp.”

7- Các pháp thuộc về tánh-tướng là pháp mà Phật đã chứng, Văn Thù nói: “Tôi không thấy một pháp nào không phải là pháp Phật, bởi vì đều không thể đạt được.” Các pháp thuộc về nghi quỹ đều từ Phật mà phát ra, kinh Niết Bàn nói: “Pháp của ngoại đạo, cũng là phần khác trong Chánh pháp của Như Lai.”

8- Nhờ vào ngôn từ phù hợp với Lý, mà Lý không phải là ngôn từ, cho nên gọi là con đường của ngôn từ.

9- Phật bởi vì Giác tha viên mãn, cho nên làm bậc Từ Phụ.

10- Như Lai tức là các pháp đúng như nghĩa mà không có hai. Tướng thuộc về Vô tướng trong lợi ích, gọi là Tướng khéo léo tuyệt vời.

Đoạn ba: Mười loại Hạnh: Dựa vào hiểu biết về Tướng thù thắng, thành tựu tu tập về Đại Hạnh. Tướng chỉ thuộc về tâm, Hạnh bao gồm ba nghiệp. Tướng trống rỗng mà không thực hành thì cũng không có gì thành tựu, tức là nơi chốn tu học trong văn trước đây. Trong giải thích chỉ có chín câu, dựa theo bản kinh thời Tấn thì ở đây mất câu thứ 3 là khéo léo tu học tất cả các Giới. Đây đủ mười câu làm năm cặp: 1- Trên mong cầu, dưới hóa độ. 2- Ngăn chặn điều ác, tiến thêm điều thiện. 3- Chỉ tuyệt diệu, Quán sâu xa. 4- Tu nhân trang nghiêm quốc độ. 5- Kính trọng bạn, tôn thờ thầy.

Đoạn bốn: Thiện tri thức: Hạnh phát khởi nhất định phải dựa vào Thiện hữu, cho nên tiếp theo trình bày. Chưa nhận biết pháp thiện thì khiến cho nhận biết, chưa hiểu rõ điều ác thì khiến cho hiểu rõ, tất cả những gì thuận theo lợi ích đều là Thiện hữu của mình. Mười câu đều nói về lợi ích. Trước đây nói rằng: Chính là được gần gũi Thiện tri thức.

Đoạn năm: Tinh tiến: Hạnh và Thiện hữu đã đầy đủ thì nhất định

phải thúc đẩy thường xuyên, đối với mười sự việc này lìa xa tướng của thân-tâm, mà tiến thêm tu tập không xen tạp. Trước đây nói rằng: Chìu khó tu tập công đức của Phật.

Đoạn sáu: Tâm được an ổn: Tiến tới thành tựu Tự lợi-Lợi tha, cho nên tâm được an ổn. Tự lợi cho nên tâm an ổn thuộc về Trí, Lợi tha cho nên tâm an ổn thuộc về Bi, tức là tâm tối thắng tăng thượng ở văn trước đây. Trong mười câu: Một câu đầu là căn bản của Hạnh. Hai câu tiếp là lìa xa lỗi lầm: Một là Tam-muội Vô tránh lìa xa tất cả tranh chấp, hai là vượt qua phàm phu-Tiểu thừa. Hai câu tiếp là tiến thêm pháp thiện. Ba câu tiếp là Chứng nhập: Một là tiến vào phân vị, hai là tiến vào pháp, ba là lợi ích tiến vào. Nghĩa là bài báng có hai nghĩa: 1-Thô, nói rằng pháp này không phải là Phật thuyết ra..., lỗi lầm ấy càng lớn; 2-Tế, nói không phù hợp với sự thật, lỗi lầm ấy thì nhỏ. Nếu không có bài báng vi tế thì mới có thể Chứng được Thật pháp. Hai câu sau là nhân tròn vẹn-quả đầy đủ, an ổn hoàn toàn trong lợi ích đạt được, nghĩa là Bồ-đề và Niết-bàn.

Đoạn bảy: Thành tựu chúng sinh: Trên đây bao gồm trình bày về Tự lợi-Lợi tha cho nên tâm được an ổn, nay riêng biệt trình bày về thành tựu lợi ích cho chúng sinh. Trước đây nói: Bởi vì có thể Từ Bi cứu độ chúng sinh. Nhưng có hai nghĩa: Một- Lấy mười loại này dùng thay cho nhau để thành tựu tất cả chúng sinh. Hai- Tất cả thành tựu cho một loại chúng sinh, nghĩa là: 1- Thành tựu cho chúng sinh bản cùng do tham lam keo kiệt; 2- Thành tựu cho chúng sinh kiêu mạn do cậy vào hình sắc; 3- Nghi ngờ về pháp; 4- Hung dữ tàn ác; 5- Tham ái; 6- Vui thích Nhị thừa; 7- Không thích trang nghiêm quốc độ; 8- Không vui mừng quả Phật; 9- Quy y tà đạo; 10- Tà trí xảo quyệt. Thành tựu như thứ tự theo mười pháp trong kinh.

Đoạn tám: Giới: Muốn thành tựu chúng sinh cần phải tự mình ngăn chặn điều ác thực hành điều thiện. Trong mười loại, nếu quên mất tâm Bồ-đề, cho đến các căn phạm vào cảnh, đều gọi là phá giới Bồ-tát, cho nên trước đây nói: Tâm Đại Bi kiên cố thì không phá hỏng. Mười loại này thuộc về ba Tự, như thích hợp mà suy nghĩ.

Đoạn chín: Pháp thọ ký: Đã lìa xa lỗi lầm, thành tựu công đức, tự xét việc làm của mình chắc chắn dẫn đến quả vị lai, cho nên tự biết thọ ký. Trước đây nói: Nếu đạt được Vô sinh pháp nhãn sâu xa, thì được chư Phật thọ ký. Chính là một nghĩa trong này: 1- Thấy rõ Lý, Bi sâu sắc lập tức phát tâm thù thắng, thì đạt được quả không có gì nghi ngờ. Nếu chán ngán khổ đau nhờ vào người khác, thì không phải là thù thắng,

chưa chắc chắn được thọ ký. 2- Tu không có gì thỏa mãn. 3- Tu trải qua thời gian dài. 4- Tu không có gì sót lại. 5- Tu phù hợp với Lý. Năm loại còn lại có thể biết. Ở trong mười loại này, hề có được một loại, thì tự biết được thọ ký. Đây là phân rõ về Hạnh được thọ ký, không phải là hiển bày về tướng khác nhau của thọ ký, như luận Du Già... Vả lại, đây là dựa theo Thập Tín đầy đủ theo chiều ngang, còn lại dựa theo chiều dọc là phần vị thì không giống nhau.

Trên đây là Hạnh thuộc Tự phần, xong.

Trong mục hai có tám môn trình bày về Hạnh thuộc Thắng tiến, Hạnh thuộc Tự phần đã thành tựu, cho nên Thắng tiến mà tiến vào những nơi đã tiến vào..., tức là tám đoạn:

Đoạn một: Tiến vào hành của Bồ-tát. Tiến vào (Nhập) có hai nghĩa: 1- Nghĩa về chứng thực đạt được; 2- Nghĩa về quán sát thông suốt. Tiến vào nhân thì bao gồm chứng thực, bao gồm thông suốt; tiến vào quả chỉ là thông suốt chứ chưa chứng thực. Năm môn dưới đây đều là Trí tiến vào. Hai môn bốn-năm, tiến vào cũng bao gồm Thân tiến vào. Nay ở đây tức là tiến vào nhân. Sở dĩ tiến vào, là bởi vì ngay nơi pháp tu của người ấy chính là pháp tu của mình, giúp đỡ làm lợi ích lẫn nhau để cùng nhau thực hành. Vì vậy, kinh Độ Thế nói là không tìm tòi chỗ yếu kém của nhau, tức là Dụng sâu xa bí mật của Thần thông... trong văn trước đây. Kết luận có thể biết.

Đoạn hai: Tiến vào hành của các Đức Như Lai là tiến vào quả. Sở dĩ tiến vào, là bởi vì nhất định sẽ chứng thực tiến vào. Trước đây nói là dùng công đức của Phật để tự mình trang nghiêm.

Đoạn ba: Tiến vào hành của chúng sinh. Hai loại tiến vào trước đây là chủ động hóa độ, ở đây trình bày tiến vào tâm hành thuộc về thụ động hóa độ... Trước đây nói: Tất cả có thể điều phục các chúng sinh... Trong câu hỏi thiếu mất chữ Tâm. Hành có nhiều loại, như văn có thể biết. Mười câu nói về Thời-Phi thời, nghĩa là thành thực-chưa thành thực... Không nhận biết thời cơ thì không phải là Đại Pháp Sư.

Đoạn bốn: Tiến vào thế giới, đối với Phật là Y báo, đối với chúng sinh là nơi chốn hóa độ. Trước đây nói: Tùy theo tất cả các nẻo mà hiện thân. Kết luận nói rằng: Tiến vào tất cả, bởi vì không lìa xa mười loại này, cho nên trong một lúc lập tức tiến vào, mà không phải là trước-sau.

Đoạn năm: Tiến vào kiếp, tức là thời gian hóa độ. Ba môn dưới đây đều là thành tựu về một niệm nhận biết tất cả không có gì sót lại. Trong mười câu, năm câu đầu là thẳng thắn tiến vào, năm câu sau dựa

theo ngay trong nhau-hòa vào nhau. Ngay trong nhau-hòa vào nhau ở đây có hai ý: 1- Kiếp ấy ngay trong nhau cho nên Trí tiến vào kiếp ấy; 2- Bởi vì kiếp ấy thâm nhiếp nhau-hòa vào nhau, nhưng tiến vào chủ động thâm nhiếp tức là tiến vào thụ động thâm nhiếp kiếp ấy... Còn lại như phẩm Phát Tâm trước đây đã nói.

Đoạn sáu: Nói về ba đời: Trước nói về kiếp, ở đây nói về đời, dài ngắn có khác nhau mà tất cả đều là thời gian, đều là mười đời cách nhau mà pháp thành tựu khác nhau (Thập thế cách pháp dị thành). Trong mười câu, chín câu trước là riêng biệt, một câu sau là tổng quát.

Trong riêng biệt: Ba đời đều có ba cho nên thành ra chín đời. Vị lai là pháp nối tiếp khởi lên, cho nên vị lai của vị lai gọi là vô tận. Quá khứ đã khởi lên, cho nên quá khứ của quá khứ không gọi là vô tận. Hiện tại của hiện tại ngay nơi sự việc có thể thấy. Ví dụ hiện tại của quá khứ-vị lai, cho nên nói là bình đẳng. Hiện tại của quá khứ-vị lai không có thể nhìn thấy, cho nên chỉ đối với trước sau mà thiết lập tên gọi hiện tại.

Nhưng ba đời này vì sao thành ra chín đời? Người xưa giải thích rằng: “Nói về nghĩa là chín mà thật thì chỉ có năm.” Ý nói rằng: Như năm ngày hưởng về với nhau, ba ngày trước làm ba đời của quá khứ, từ sau chọn lấy ba ngày làm ba đời của vị lai, ở giữa chọn lấy ba ngày làm ba đời của hiện tại.

Nếu dựa vào cách giải thích này, thì tiến tới không có Thể của chín đời, lùi lại vượt qua số lượng của ba đời, vì sao một niệm có thể đầy đủ chín đời? Nay nói rằng nếu không khiến cho duyên khởi của chín đời dựa vào nhau, chỉ dùng duyên khởi của ba đời dựa vào nhau, thì chín đời đã thành tựu rồi. Nghĩa là quá khứ làm nhân của hiện tại-vị lai, thì trong quá khứ có hiện tại-vị lai, hiện tại-vị lai đều làm nhân của hai đời cũng như vậy, vì vậy ba đời đều có ba. Luận Trung Quán nói rằng:

*“Nếu pháp đã sinh ra từ nhân,
Thì pháp không khác so với nhân.”*

Trung Luận phá chấp, thì trong một có ba là lỗi lầm. Ở đây trình bày về Dụng của lìa xa lỗi lầm, thì trong một có ba là đức, lấy bệnh để làm thành thuốc, lẽ nào không tốt hay sao?

Tổng quát nói: Một niệm, là chín đời trước đây hưởng về với nhau mà thiết lập, nay thâm nhiếp ngọn quy về gốc không lìa xa một niệm, ngay nơi một niệm hiện tại này, là vị lai của quá khứ, là quá khứ của vị lai, tự nhiên đầy đủ ba đời, ba đời dựa vào nhau thì chín đời-mười đời đã đầy đủ rồi. Vì vậy, dùng một dung thông với chín, tuy chín mà luôn luôn là một; dùng chín dung thông với một, tuy một mà luôn luôn là

chín. Chín và một không có gì ngăn ngại, phai mờ quả-bật dứt ngôn từ, mượn mười viên dung đã là tiến vào môn rồi, hướng hồ tích niệm thành đời, ngoài niệm không có đời hay sao? Lại bởi vì Vô niệm bình đẳng. Lại bởi vì pháp tánh giống nhau. Ở đây có bốn nghĩa, ba nghĩa sau nối thông với các Tông khác.

Đoạn bảy: Nhận biết về ba đời. Hai đoạn trước trình bày về thời gian ở trên pháp, đoạn này phân rõ về pháp ở trong thời gian, tức là pháp hóa độ chúng sinh, tùy theo pháp an lập mà hóa độ, là pháp đã nhận biết trên đây. Bản kinh thời Tấn gọi là ba thế gian, kinh Độ Thế gọi là tiến vào ba Xứ, đều là ý chọn lấy sự việc trong đó. Trong mười câu: Bảy câu đầu là nhận biết về Đế an lập; một câu tiếp là bao gồm hai loại, thành tựu về Sự không có tận cùng đã an lập trước đây, sinh khởi về Tánh không thể tận cùng không phải là an lập sau này; hai câu sau nhận biết về không phải là an lập.

Đoạn tám: Tâm không hề mệt mỏi chán nản. Thụ động giáo hóa đã vô biên, mà mong cầu pháp giáo hóa không hề lười nhác chán nản, bởi vì trước đây đã nhận biết phiền não cho nên không thể khởi lên. Trong mười câu: Bốn câu đầu là hướng lên mong cầu giáo pháp; bốn câu tiếp là hướng xuống giáo hóa chúng sinh; hai câu sau bao gồm hai loại, nghĩa là qua lại các thế giới để gần gũi chư Phật mà giáo hóa chúng sinh, tư duy về pháp thực hành Tự lợi-Lợi tha.

Tám môn trên đây là Hạnh thuộc Thắng tiến, xong.

Mục ba có ba môn trình bày về hai Hạnh cứu cánh trước đây.

Môn 1: Trình bày về Trí cứu cánh đã duy trì sai biệt, trước đây nói: Bởi vì dùng Lực của Trí tuệ biện tài, tùy theo tâm chúng sinh mà giáo hóa dạy dỗ.

Môn 2: Đà-la-ni tức là có thể duy trì cứu cánh, trước đây nói: Tu hành các Độ, giải thoát thù thắng... Trong mười câu: Một câu đầu là Văn trì (nghe mà duy trì); bốn câu tiếp là Nghĩa trì (dựa vào nghĩa mà duy trì); bốn câu tiếp là mở rộng về Dụng của Văn trì; một câu sau là thu nhận Nghĩa trì nói trên. Lại, bốn câu đầu như thứ tự duy trì về Giáo-Hạnh-Lý-Quả; hai câu tiếp là trở lại hiển bày về duy trì thuộc Hạnh, tức là Định-Tuệ; một câu tiếp là duy trì về Lý không thể nghĩ bàn; hai câu tiếp là trở lại hiển bày về Giáo; một câu sau là trở lại hiển bày về Quả.

Môn 3: Nói về mười loại Phật. Chủ động duy trì-thụ động duy trì trên đây đều là pháp Phật, nay là nhận biết về Pháp chủ cứu cánh. Trước đây nói: Bởi vì đạt được Quán Đảnh mà bước lên phần vị..., tâm

đầy đủ Thập Tín liền đạt được quả Phật.

Nhưng mười vị Phật này cùng với mười loại Phật được thấy ở sau thì tên gọi và nghĩa hoàn toàn giống nhau, cùng với mười Thân trước đây thì tên gọi có giống nhau và khác nhau, mà nghĩa cũng không khác nhau:

1: Thị hiện thành tự Chánh giác, tức là thân Bồ-đề trước đây.

2: Nguyện sinh đến cõi Đâu-suất, cùng với trước đây hoàn toàn giống nhau.

3: Nhân của vạn hạnh cảm đến, tức là thân tướng tốt trang nghiêm trước đây.

4: Xá-lợi của tự thân trí trì, tức là thân Lực trì.

5: Niết-bàn Phật, hóa hiện thì nhất định thị hiện diệt độ, tức là Hóa thân trước đây.

6: Pháp giới Phật, vốn là cảnh giới vô lậu chân thật, tức là Pháp thân trước đây.

7: Dựa vào duy tâm, tức là thân Uy thế, tuy ánh sáng cũng có thể thấu nhiếp làm cho khuất phục, mà tâm làm cho khuất phục là tối thắng, như tâm Từ hàng phục ma quân...

8: Thường ở trong Định, tức là thân Phước đức, bởi vì Định là bậc nhất của phước.

9: Hiểu rõ về tánh vốn có, tức là Trí thân trước đây, bởi vì Đại viên cảnh trí-Bình đẳng tánh trí đều là vốn có, cho nên văn sau nói: Nhìn thấy rõ ràng.

10: Tùy theo ý thích mong muốn, tất cả đều hiện rõ, tức là Ý sinh thân. Bản kinh thời Tấn nói là thân Như ý. Nhưng Phật chỉ dựa vào giác ngộ bên trong, Thân phần nhiều dựa vào tướng, cho nên thiết lập tên gọi không giống nhau. Còn lại mở rộng như chương riêng biệt, tóm lược như Địa thứ tám.

Đoạn 2: Từ “Phát Phổ Hiền tâm...” trở xuống có hai mươi môn, giải đáp hai mươi câu hỏi trước đây, trình bày về pháp thuộc Hạnh của Thập Trú.

Cổ đức cùng phân làm bốn mục: Một- Có sáu môn riêng biệt trình bày về nghĩa của Phát Tâm Trú; Hai- Từ “Thập chủng Ba-la-mật...” trở xuống có sáu môn trình bày về Hạnh thuộc Nội đức đã thành tựu trong chín Trú còn lại; Ba- Từ “Thập chủng thuyết pháp...” trở xuống có ba môn trình bày về Hạnh thuộc Ngoại hóa trong các Trú; Bốn- Từ “Thập chủng tự tại...” trở xuống có năm môn trình bày về Hạnh thù thắng vô ngại. Như vậy không phải là không có lý.

Nay chọn lấy thuận với Thập Trú, văn kinh có hai mươi môn như thứ tự trình bày về Hạnh của Thập Trú, nhưng cùng với Hạnh trước đây thì có mở rộng-tóm lược phỏng theo hiển bày lẫn nhau, bởi vì Hạnh trong Giải vốn rộng lớn vô tận.

Nếu dựa vào Viên dung thì mỗi một Hạnh rộng khắp tất cả, nếu không làm hồng tướng thì có thể theo thứ tự: Bốn môn đầu trình bày về Hạnh của Trú thứ nhất; Trú thứ hai-thứ ba đều có hai môn; Trú thứ tư-thứ năm đều có một môn; năm Trú sau đều có hai môn

Trú thứ nhất: Có bốn môn trình bày về Phát Tâm Trú, một môn đầu là tổng quát trình bày, ba môn sau là riêng biệt hiển bày.

Môn 1- Tổng quát phát khởi gọi là tâm Phổ Hiền. Nội dung thuộc Tự phần trong Thập Trú trước đây, tức là phát tâm dựa vào mười Lực của Phật, chỉ mở rộng về cảnh của phát tâm. Nay phát tâm Phổ Hiền, là mở rộng về tướng của phát tâm, cho nên phỏng theo tóm lược để trình bày. Tâm Phổ Hiền, tức là tâm Bồ-đề. Tâm Bồ-đề dựa vào quả để trình bày về tâm Phổ Hiền. Dựa theo Tướng-Dụng mà nói, về không gian thì rộng khắp pháp giới, về thời gian thì tận cùng vị lai.

Trong mười câu: Ba câu đầu là tâm Bi bảo vệ chúng sinh; sáu câu tiếp là dựa theo tâm khởi Nguyện, trong đó: 1- Mong cầu Trí thuộc quả, tức là dựa vào mười Lực của Phật trước đây. 2- Mong cầu Hạnh thuộc nhân. 3- Về thời gian. 4- Về không gian. Bốn câu này đều là Nguyện mong cầu hướng lên trên, hai câu về Nhẫn và Thí là Nguyện hóa độ hướng xuống dưới. Một câu sau là Trí-Tâm, tức là ba tâm Bồ-đề.

Lại bảy câu trước là bảo vệ Tiểu thừa, trong đó ba câu đầu là bảo vệ tâm hẹp hòi, bốn câu sau là bảo vệ tâm nhỏ bé. Ba câu còn lại là bảo vệ tâm phiến não, khác với phạm phu-Tiểu thừa là tâm Bồ-đề.

Lại ba câu trước là chúng sinh vô biên thế nguyện cứu độ, bởi vì cứu độ chúng sinh mà không có gì luyến tiếc cho nên bố thí tất cả. Một câu tiếp là Phật đạo vô thượng thế nguyện thành tựu. ba câu tiếp là pháp môn vô tận thế nguyện tu học. Ba câu sau là phiến não vô lượng thế nguyện đoạn trừ. Chính là bốn thế nguyện rộng lớn, quán sát về Lý phát tâm.

Môn 2- Có mười loại pháp thuộc Hạnh Phổ Hiền là riêng biệt trình bày về tâm Bồ-đề. Môn này tức là tâm Đại Nguyện, cũng tức là Hạnh thuộc Thắng tiến trước đây, đó gọi là thường xuyên cúng dường chư Phật, vui lòng trú trong sinh tử...

Môn 3- Có mười loại Đại Bi, tức là riêng biệt trình bày về tâm Bi: Một câu đầu là tổng quát, nghĩa là bên ngoài không có Thiện hữu để

có thể nương tựa, bên trong không có đức của chính mình để có thể nhờ cậy. Chín câu còn lại là riêng biệt: Năm câu đầu là chúng sinh mong cầu dục lạc, bởi vì chỉ phóng túng theo tình ý trước mắt; một câu tiếp là chúng sinh mong cầu quả báo, bởi vì chìm đắm trong biển sinh tử; ba câu sau là chúng sinh mong cầu Phạm hạnh tà vạy, do căn bệnh của Vô minh-Tà kiến, cho nên chỉ mong muốn Tà pháp.

Môn 4- Có mười loại tâm Bồ-đề là nhân duyên, riêng biệt hiển bày về Trí-Tâm, quán sát về cảnh mà suy ra Lý phát tâm riêng biệt, môn này cùng với nhân duyên phát tâm trong Hạnh thuộc Tự phần trước đây, cũng phỏng theo tóm lược lẫn nhau.

Trong mười câu: Năm câu trước dùng hữu tình (Tát-đỏa) làm duyên, câu đầu là tổng quát, bốn câu còn lại là riêng biệt: 1- Khiến cho diệt trừ Khổ hư vọng; 2- Đạt được Diệt chân thật; 3- Đoạn trừ Tập của si mê; 4- Chứng được Đạo chân thật. Tức là suy ra Lý của Vô Tác Tứ Đế mà phát tâm Bồ-đề. Năm câu sau dùng tâm Bồ-đề làm duyên: Hai câu đầu là nhân của phước trí, ba câu sau là quả của phước trí hiếm có.

Nhưng văn hai tiết trên hàm chứa hai ý: Một- Thành tựu về Hạnh trong Phát Tâm Trú nói trên; Hai- Thành tựu về Hạnh trong Trị Địa Trú dưới đây. Nghĩa là mười loại Đại Bi, tức là mở rộng một tâm thuộc mười tâm trong Tự phần của Trú ấy. Nhân duyên Bồ-đề, thì năm câu trước tức là năm tâm đầu trong Tự phần của Trú ấy: 1- Lợi ích; 2- Đại Bi; 3- An lạc; 4- Lân mãn; 5- An trú. Năm câu sau tức là Trú này-Trú kia thiếu hụt lẫn nhau.

Trú thứ hai: Từ “Cận thiện tri thức...” trở xuống có hai môn, chính thức trình bày về Hạnh trong Trị Địa Trú.

Môn 1- Trình bày về gần gũi Thiện tri thức trong phần Thắng tiến. Trong văn nêu lên nội dung bao gồm là hiển bày về ý. Trong nêu ra: Sáu câu trước là phụng sự Thiện hữu, bốn câu sau là cùng nhau tu tập không mong cầu gì khác, bởi vì không mong cầu danh tiếng, lợi dưỡng và lỗi lầm.

Môn 2- Mười loại thanh tịnh, tức là quả của Thắng tiến về gần gũi Thiện hữu, cho nên nói là: Khởi tâm như vậy thì đạt được.

Mười câu này tức là thông suốt rõ ràng ở văn trước, đối với nghĩa đúng như pháp mà tu hành, xa lìa ngu si mê muội, an trú không lay động. Tiếng Phạn là Ba-lợi Thù-đề, ở đây có hai nghĩa: 1- Thanh tịnh khắp nơi, tức là mười loại này; 2- Thanh tịnh tận cùng, tức là môn thứ 64 sau này.

Trong nêu ra: Sáu câu đầu là ba nghiệp thanh tịnh, ba câu trước là

Thể thanh tịnh, ba câu sau là Dụng thanh tịnh; hai câu tiếp là quả báo thanh tịnh của chủ-bạn; hai câu sau là Nguyện Hạnh thanh tịnh.

Trú thứ ba: Từ “Ba-la-mật...” trở xuống có hai môn, trình bày về Hạnh trong Tu Hành Trú.

Môn 1- Tức là Hạnh thuộc Tự phần, trong đó tách một Tuệ ra làm mười Quán sát. Nay tổng quát hiển bày về tu đầy đủ là tu mười Độ, mười Độ đều là Tổng tướng mà giải thích, bởi vì mỗi một Độ hàm chứa nhiều nghĩa. Bồ thí nói là tất cả đều xả bỏ... Trí tức là phương tiện, tiến lên hưởng về Phật lực, Quyền Trí thiết lập theo tên gọi của Trí. Thần thông tức là Lực độ, bản kinh thời Tấn gọi là Thần lực, Pháp tức là Trí, thuận theo pháp đã nhận biết gọi là Pháp.

Môn 2- Mười loại Trí tùy theo hiểu rõ, bởi vì Hạnh trước đây thành tựu không có trái ngược, thông suốt rõ ràng tùy theo Sự-tùy theo Lý mà khéo léo hiểu biết tường tận. Tức là mười pháp quán sát chúng sinh giới... thuộc về Thắng tiến trước đây, cũng có phỏng theo tóm lược, sợ rằng phức tạp cho nên không kết hợp.

Trú thứ tư: Chứng biết, có một môn trình bày về Hạnh trong Sinh Quý Trú, tức là Hạnh thuộc Tự phần của Trú ấy, bởi vì thông suốt rõ ràng trước đây, mà có thể chứng đạt, nhận biết chứng đạt, cho nên sinh ở trong Thánh giáo. Trong mười câu: Ba câu đầu là tổng quát nhận biết về tất cả các pháp; năm câu tiếp là mở rộng nhận biết về chúng sinh trước đây; một câu tiếp là hạnh nguyện của Bồ-tát, tức là thâu nhiếp trong nghiệp hạnh trước đây; một câu sau tức là nhận biết về Niết-bàn đối với sinh tử. Bởi vì Hạnh thuộc Thắng tiến của Trú ấy chỉ hiểu rõ về pháp Phật, không có tướng của Hạnh riêng biệt, cho nên lược qua không trình bày.

Trú thứ năm: Có mười loại Lực, tức là Hạnh trong Cụ Túc Phương Tiện Trú. Dựa theo bản tiếng Phạn, Trú này gọi là Tích Tập, tức là nghĩa của đầy đủ phương tiện. Môn thứ 95 sau này tức là Thập Lực. Trong Thập Trú trước đây chỉ nói: Các Hạnh đã tu tập đều vì chúng sinh, không biết tu tập về Hạnh nào? Nay hiển bày về Hạnh đã tu tập. Vả lại, tiến vào tức là thông suốt rõ ràng, bao gồm Thắng tiến, hiểu rõ chúng sinh... của Trú ấy. Trong mười câu: Sáu câu trước là hiểu rõ về Lực của pháp, bốn câu còn lại là Lực hưởng lên trên mong cầu.

Trú thứ sáu: Từ “Thập chủng bình đẳng...” trở xuống có hai môn, trình bày về Chánh Tâm Trú.

Môn 1- Tức là Hạnh thuộc Tự phần, bởi vì hiểu rõ bình đẳng, cho nên nghe khen-chê, tâm nhất định không lay động. Nhưng nói về bình

đẳng, tổng quát có ba nghĩa: 1- Sự bình đẳng, nghĩa là tất cả mười loại đều hướng về với nhau, như nói chúng sinh đều có Phật tánh, cho đến chư Phật cùng một Pháp thân, một Tâm-một Trí bình đẳng. 2- Lý bình đẳng, nghĩa là mười loại này cùng một chân lý bất dứt đối đãi. 3- Tâm bình đẳng, bởi vì hiểu rõ hai loại trước đây vốn ngay nơi tâm, cho nên đối với mười cảnh không sinh phân biệt cao-thấp.

Trong mười câu: 1- Bình đẳng đối với chúng sinh, là bởi vì không có kẻ oán người thân. 2- Bởi vì không sinh phân biệt đối với thiện ác. 3- Bởi vì thấy tạp nhiễm-thấy thanh tịnh không có thấp-cao. 4- Bởi vì cùng một Đạo chân thật mà giải thoát. 5- Bởi vì không có một thiện căn nào không thể làm Phật. 6- Bởi vì đối với những người cùng thực hành đều giống như chính mình. 7- Bởi vì mỗi một Đại nguyện đều xuyên suốt thời gian vị lai. 8- Bởi vì không cho rằng Bất-nhã hơn hẳn bố thí... 9- Bởi vì tùy theo mỗi một Hạnh đều xuyên suốt Sự-Lý. 10- Bởi vì không cho rằng pháp tối thắng này thuộc về Đức Phật này.

Môn 2- Trình bày về câu-nghĩa thuộc mười loại Thật pháp của Phật, tức là Hạnh trong phần Thắng tiến của Trú ấy, so với trước thì câu tuy phần ít trái với trước mà nghĩa thì phần nhiều giống nhau. Trong đó: Một câu đầu là dựa theo Biến kế cho nên cũng không có thật; bốn câu tiếp là dựa theo Y tha; năm câu sau là dựa theo Viên thành, một câu là trong pháp không có danh tướng mà giả danh để nói danh tướng, bốn câu còn lại đều có một nghĩa, có thể biết.

Trú thứ bảy: Từ “Thuyết thập chủng pháp...” trở xuống có hai môn, trình bày về Hạnh trong Bất Thối Trú, trong đó: Môn đầu là Tự phần, môn sau là Thắng tiến.

Trong môn 1- Bởi vì có thể thuyết giảng về pháp sâu rộng, cho nên nghe thuyết giảng mà tâm không thối chuyển. Trong mười câu: Thuyết giảng về nghiệp-tánh..., thành tựu về Lực của Như Lai, tùy theo nghĩa mà diễn thuyết, khiến cho Bồ-tát không thối chuyển. Trong kinh Niết Bàn quyển thứ 28 mở rộng trình bày về tướng thối chuyển-không thối chuyển, vẫn còn lại có thể biết.

Môn 2- Nói về mười loại Trì, Trì nghĩa là tụng hành thọ trì, không chỉ nói ra nơi miệng, vẫn có mười câu có thể biết.

Trú thứ tám: Từ “Thập chủng biện tài...” trở xuống có hai môn, trình bày về Hạnh trong Đồng Chân Trú.

Môn 1- Tức là Hạnh thuộc Tự phần, bởi vì ba nghiệp không có sai lầm, cho nên có biện tài không vướng mắc; bởi vì nhận biết về mong muốn hiểu biết của chúng sinh, cho nên biện giải khiến cho người khác

hoan hỷ.

Môn 2- Tức là Hạnh thuộc Thắng tiến của Trú ấy, hiện thân biến hóa tự tại... đều là nghĩa của tự tại.

Trú thứ chín: Từ “Thập chủng vô trước...” trở xuống có hai môn, trình bày về Hạnh trong Vương Tử Trú.

Môn 1- Bởi vì không có vương mắc, cho nên có thể khéo léo nhận biết về mười pháp.

Môn 2- Bởi vì bình đẳng, cho nên Thắng tiến học theo pháp nơi bậc Pháp Vương.

Trú thứ mười: Từ “Thập chủng xuất sinh trí...” trở xuống có hai môn, trình bày về Hạnh trong phần vị Quán Đảnh.

Môn 1- Trình bày về thành tựu mười Trí, học theo mười Trí của Phật.

Môn 2- Nói về mười loại biến hóa, bởi vì có thể làm rung động thế giới... Nhưng sự biến hóa này ngay nơi Thật mà như Hóa hiện, không cần phải Hóa hiện làm ra. Văn tướng của các đoạn trên đây đều hiển bày rõ ràng, tuy có ý nghĩa sâu xa mà giống với trước có thể biết.

